

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO TÓM TẮT KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NGOÀI
Chương trình đào tạo Chăm sóc sắc đẹp, trình độ Cao đẳng,
Trường Cao đẳng Bách khoa Nam Sài Gòn
Năm 2024

1. Bảng điểm tổng hợp đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN	Đánh giá của Đoàn ĐGN	Tỷ lệ điểm đánh giá tiêu chí
	KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt	Đạt	
	Tổng điểm	100	94	92	92%
	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính	6	6	6	100%
1	Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2	2	
2	Tiêu chuẩn 1.2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2	2	
3	Tiêu chuẩn 1.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2	2	
	Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo	14	12	10	71,4 %
4	Tiêu chuẩn 2.1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	0	0	
5	Tiêu chuẩn 2.2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2	2	
6	Tiêu chuẩn 2.3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình	2	2	2	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN	Đánh giá của Đoàn ĐGN	Tỷ lệ điểm đánh giá tiêu chí
	đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.				
7	Tiêu chuẩn 2.4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2	2	
8	Tiêu chuẩn 2.5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2	2	
9	Tiêu chuẩn 2.6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2	2	
10	Tiêu chuẩn 2.7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2	0	
	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	16	16	14	87,5%
11	Tiêu chuẩn 3.1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2	0	
12	Tiêu chuẩn 3.2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2	2	
13	Tiêu chuẩn 3.3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2	2	
14	Tiêu chuẩn 3.4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2	2	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN	Đánh giá của Đoàn ĐGN	Tỷ lệ điểm đánh giá tiêu chí
15	Tiêu chuẩn 3.5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2	2	
16	Tiêu chuẩn 3.6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2	2	
17	Tiêu chuẩn 3.7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2	2	
18	Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2	2	
	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	24	22	24	100%
19	Tiêu chuẩn 4.1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2	2	
20	Tiêu chuẩn 4.2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2	2	
21	Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2	2	
22	Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2	2	
23	Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2	2	
24	Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2	2	
25	Tiêu chuẩn 4.7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2	2	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN	Đánh giá của Đoàn ĐGN	Tỷ lệ điểm đánh giá tiêu chí
26	Tiêu chuẩn 4.8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	0	2	
27	Tiêu chuẩn 4.9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2	2	
28	Tiêu chuẩn 4.10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2	2	
29	Tiêu chuẩn 4.11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2	2	
30	Tiêu chuẩn 4.12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2	2	
	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	16	14	14	87,5 %
31	Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2	2	
32	Tiêu chuẩn 5.2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2	2	
33	Tiêu chuẩn 5.3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	0	0	
34	Tiêu chuẩn 5.4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2	2	
35	Tiêu chuẩn 5.5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2	2	
36	Tiêu chuẩn 5.6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê	2	2	2	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN	Đánh giá của Đoàn ĐGN	Tỷ lệ điểm đánh giá tiêu chí
	duyet; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.				
37	Tiêu chuẩn 5.7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2	2	
38	Tiêu chuẩn 5.8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	2	2	
	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học	8	8	8	100%
39	Tiêu chuẩn 6.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2	2	
40	Tiêu chuẩn 6.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2	2	
41	Tiêu chuẩn 6.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2	2	
42	Tiêu chuẩn 6.4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2	2	
	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16	16	100%
43	Tiêu chuẩn 7.1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm	2	2	2	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN	Đánh giá của Đoàn ĐGN	Tỷ lệ điểm đánh giá tiêu chí
	việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.				
44	Tiêu chuẩn 7.2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2	2	
45	Tiêu chuẩn 7.3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2	2	
46	Tiêu chuẩn 7.4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2	2	
47	Tiêu chuẩn 7.5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2	2	
48	Tiêu chuẩn 7.6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2	2	
49	Tiêu chuẩn 7.7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2	2	
50	Tiêu chuẩn 7.8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2	2	

2. Các điểm mạnh của chương trình đào tạo Chăm sóc sắc đẹp

2.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề Chăm sóc sắc đẹp, trình độ cao đẳng phù hợp mục tiêu của Trường và nhu cầu thị trường lao động; được công bố công khai và rà soát, điều chỉnh theo quy định.

2.2. Trường có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho Khoa Chăm sóc sắc đẹp – Nuôi dưỡng trẻ phụ trách chương trình đào tạo nghề Chăm sóc sắc đẹp, trình độ cao đẳng và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; Khoa Chăm sóc sắc đẹp – Nuôi dưỡng trẻ hoàn thành tốt các nhiệm vụ liên quan đến chương trình đào tạo.

2.3. Trường có xây dựng định mức chi tối thiểu cho một sinh viên và đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

2.4. Trường có kế hoạch và tổ chức đào tạo đúng quy định. Phương pháp đào tạo, quản lý phù hợp, kết hợp rèn luyện năng lực với trang bị kiến thức chuyên môn đáp ứng nhu cầu của xã hội.

2.5. Công tác tổ chức kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, xét công nhận tốt nghiệp, cấp văn bằng đảm bảo thực hiện nghiêm túc, khách quan. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong tổ chức thi, đánh giá kết quả người học.

2.6. Trường có mối quan hệ tốt với các doanh nghiệp trong ngành Chăm sóc sắc đẹp, tạo điều kiện cho sinh viên, giáo viên thực tập, tiếp cận thiết bị, công nghệ mới.

2.7. Đội ngũ nhà giáo có tinh thần nhiệt huyết, năng động, tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, hội thi nhà giáo dạy giỏi các cấp; Ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong giảng dạy; Hàng năm, đều hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

2.8. Chương trình, giáo trình đào tạo nghề Chăm sóc sắc đẹp được biên soạn, định kỳ rà soát, cập nhật, điều chỉnh và bổ sung theo quy định; cấu trúc chương trình hợp lý, phù hợp với người học.

2.9. Có đủ giáo trình các môn học của chương trình đào tạo; Đảm bảo mỗi môn học có tối thiểu 5 cuốn giáo trình tại thư viện.

2.10. Phòng học, phòng thực hành, hệ thống điện, nước của Trường đảm bảo quy chuẩn xây dựng và đáp ứng yêu cầu đào tạo. Các công trình, trang thiết bị dạy học, dụng cụ được sử dụng đúng công năng và bảo dưỡng thường xuyên, đảm bảo hoạt động bình thường.

2.11. Người học được cung cấp đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy định tổ chức đào tạo; quy chế công tác học sinh sinh viên; các chế độ, chính sách đối với người học; thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; tổ chức tốt các hoạt động trợ giúp, giới thiệu việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

2.12. Học sinh tốt nghiệp nghề Chăm sóc sắc đẹp được các đơn vị tuyển dụng đánh giá cao về kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và thái độ làm việc.

2.13. Hàng năm, Trường thu thập ý kiến các đối tượng liên quan về sự phù hợp của chương trình đào tạo nghề Chăm sóc sắc đẹp, để từ đó cập nhật, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn.

2.14. Trường thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Chăm sóc sắc đẹp theo quy định. Hàng năm, Trường có kế hoạch, thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

3. Các điểm cần cải thiện:

3.1. Kết quả tuyển sinh nghề Chăm sóc sắc đẹp, trình độ cao đẳng của Trường chưa đạt yêu cầu so với kế hoạch.

3.2. Trường chưa chuẩn bị đủ các điều kiện cho công tác đào tạo liên thông giữa các trình độ trong hệ thống Giáo dục Nghề nghiệp.

3.3. Một vài nhà giáo tham gia giảng dạy nghề Chăm sóc sắc đẹp chưa đảm bảo trình độ chuyên môn theo Điều 32 - Thông tư 08/2017 của Bộ LĐTBXH và hiện nay là Thông tư 05/2024/TT-BLĐTBXH, ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Bộ LĐTBXH.

3.4. Một số thiết bị chưa đảm bảo về số lượng.

4. Khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài:

4.1. Tăng cường nhiều giải pháp hơn nữa trong công tác tuyển sinh.

4.2. Chuẩn bị các điều kiện cho công tác đào tạo liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống Giáo dục Nghề nghiệp.

4.3. Trường cần có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo dạy nghề Chăm sóc sắc đẹp đáp ứng trình độ chuyên môn theo quy định.

4.4. Có kế hoạch đầu tư bổ sung số lượng thiết bị còn thiếu.
